

**LOGO**



## CHƯƠNG 5 : KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP

---

# 1. Kế toán CPSX và tính giá thành SP



1.1

Kế toán tập hợp CPSX

1.2

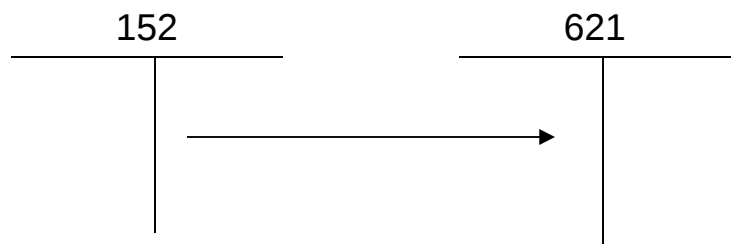
Kế toán tính giá thành SP

# 1.1 Kế toán tập hợp CPSX



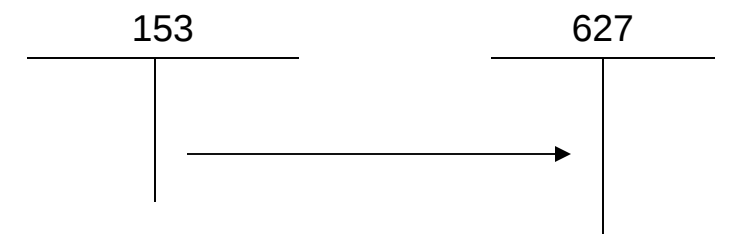
• **NGUYÊN VẬT LIỆU**

Xuất dùng trực tiếp cho sản xuất SP



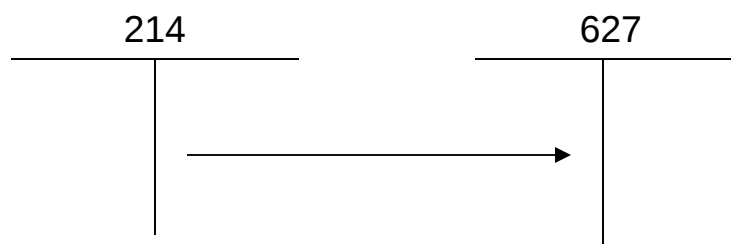
**CÔNG CỤ, DỤNG CỤ**

Xuất dùng phục vụ cho **sản xuất SP**



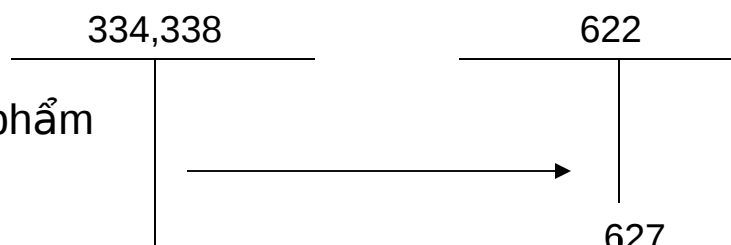
**MÁY MÓC, THIẾT BỊ**

Dùng cho **sản xuất SP**

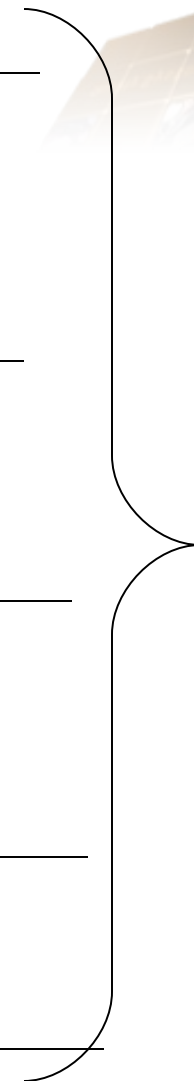
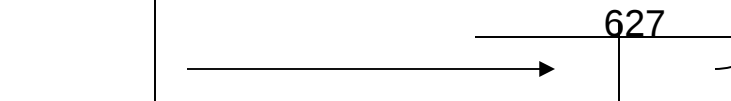


**NHÂN CÔNG**

Tham gia **trực tiếp** vào quá trình sản phẩm



**Quản lý phân xưởng**



## Ví dụ minh họa



VD: Một phân xưởng sản xuất sản phẩm A trong tháng 04 có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

1. Xuất NVL trực tiếp để sản xuất sản phẩm A là 2.600.000 đ
2. Tiền lương phải trả cho Công nhân trực tiếp SX 2.000.000, nhân viên phân xưởng là 200.000 đ
3. Các khoản nợ theo lương phải tính vào chi phí theo tỷ lệ là 22%
4. Xuất công cụ, dụng cụ cho phân xưởng sản xuất 100.000 đ
5. Khấu hao TSCĐ đang dùng ở phân xưởng là 112.000 đ
6. Tiền điện, nước phục vụ SX trả bằng TM 55.000 đ trong đó thuế GTGT được khấu trừ là 5.000

Yêu cầu: Lập sơ đồ chữ T tập hợp CPSX sản phẩm A để tính giá thành SP.

# Ví dụ minh họa



Nợ	TK 621	Có
(1) 2.600.000		

Nợ	TK 622	Có
(2) 2.000.000		
(3) 440.000		

Nợ	TK 627	Có
(2) 200.000		
(3) 44.000		
(4) 100.000		
(5) 112.000		
(6) 50.000		

# Phân bổ CP SX chung



$$\text{CHI PHÍ PHÂN BỐ CHO ĐỐI TƯỢNG } n = \frac{\text{TỔNG CHI PHÍ CẦN PHÂN BỐ X TIÊU THỨC PHÂN BỐ CỦA N}}{\text{TỔNG TIÊU THỨC PHÂN BỐ}}$$

Vd: DN sản xuất 2 loại SP A, B. Để tổng hợp CP theo từng loại SP, kế toán chọn tiêu thức phân bổ là tiền lương nhân công trực tiếp SX. Giả sử tổng chi phí SXC là 25.000.000 đ, lương công nhân SX sản phẩm A: 6.000.000 đ, sản phẩm B : 4.000.000 đ. Chi phí SXC phân bổ cho SP A, SPB như sau :

$$\text{SPA} = \frac{25.000.000 \times 6.000.000}{6.000.000 + 4.000.000} = 15.000.000$$

$$\text{SPB} = 25.000.000 - 15.000.000 = 10.000.000$$



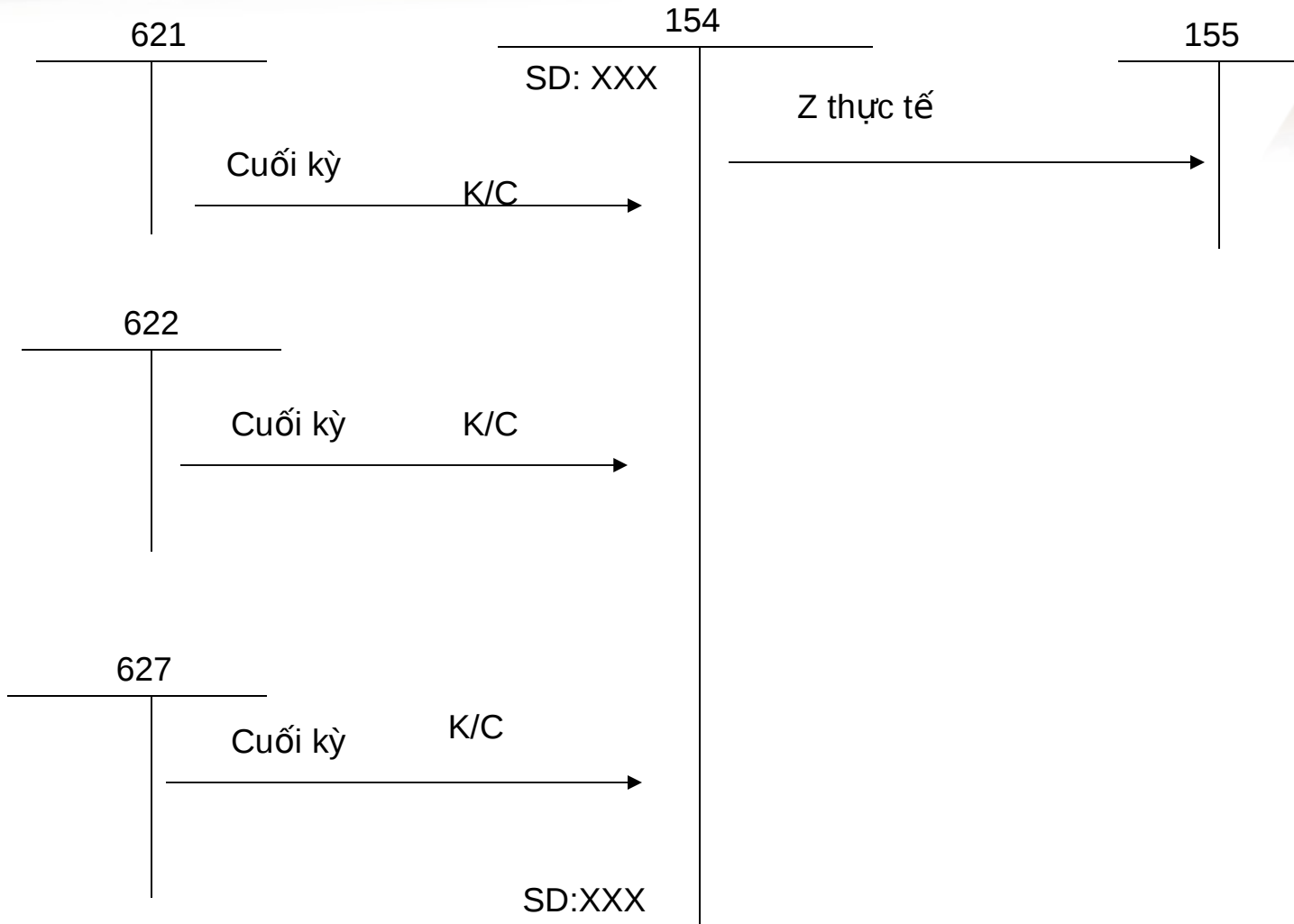
## 1.2 Kế toán tính giá thành SP



Các chi phí phát sinh trong kỳ sau khi được tập hợp vào TK 621,622,627 vào lúc **CUỐI KỲ** sẽ được kết chuyển vào TK 154 “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” để tính giá thành

Nợ	TK 154
<del>Có</del>	
SDĐK: CPSXKD còn dở dang đầu kỳ	
Các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung kết chuyển cuối kỳ	Giá thành thực tế của thành phẩm nhập kho hoặc chuyển bán đi.
SDCK: CPSXKD còn dở dang cuối kỳ	

# 1.2 Kế toán tính giá thành SP





# Ví dụ minh họa

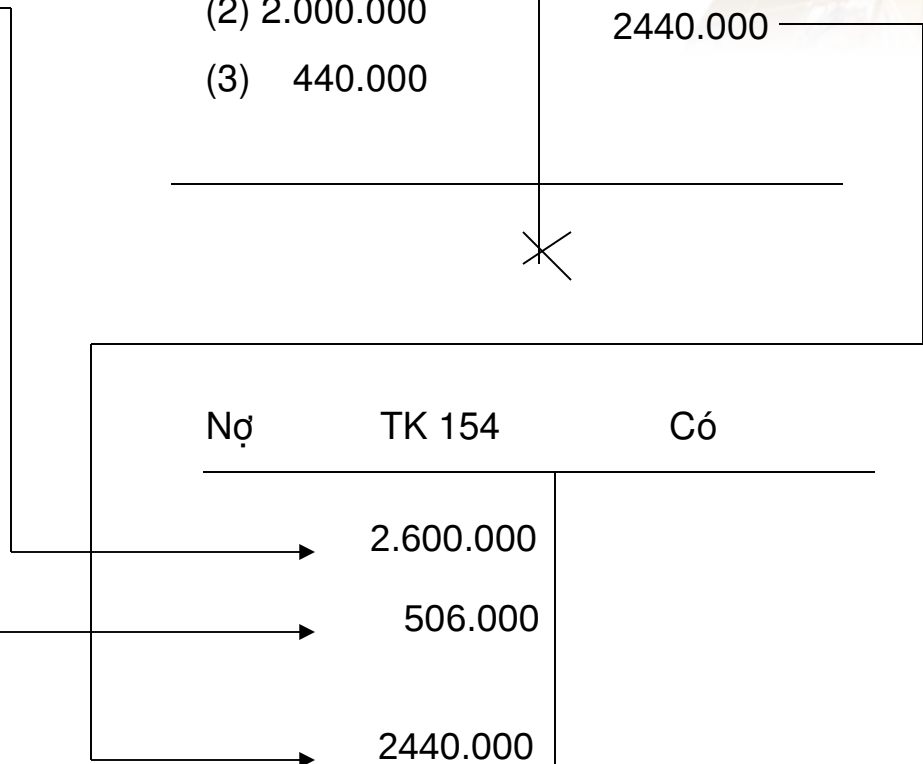


Nợ	TK 621	Có
(1) 2.600.000		2.600.000
X		

Nợ	TK 622	Có
(2) 2.000.000		2440.000
(3) 440.000		
X		

Nợ	TK 627	Có
(2) 200.000		
(3) 44.000		506.000
(4) 100.000		
(5) 112.000		
(6) 50.000		
X		

Nợ	TK 154	Có
	2.600.000	
	506.000	
	2440.000	



## 1.2 Kế toán tính giá thành SP



Giá thành SX thực tế của những SP hoàn thành trong kỳ được tính theo công thức

$$\text{Giá thành sản phẩm} = \text{Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ} - \text{Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ} - \text{Giá trị SP hỏng, phế liệu thu hồi}$$

$$\text{Giá thành đơn vị SP} = \frac{\text{Giá thành SP sản xuất trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ}}$$

# Ví dụ minh họa



Sử dụng lại các số liệu của ví dụ trên, cho biết thêm số dư đầu kỳ của TK 154 là 450.000đ, số dư cuối kỳ của TK 154 là 930.000 và trong tháng đã **nhập kho 100 SP A**.

Giá thành  
sản phẩm

=

Chi phí sản  
xuất dở dang  
đầu kỳ

+

Chi phí sản  
xuất phát  
sinh trong kỳ

-

Chi phí sản  
xuất dở dang  
cuối kỳ

-

Giá trị SP  
hỏng, phế  
liệu thu hồi

5.066.000

=

450.000

+

5.546.000

-

930.000

-

0

Giá thành  
đơn vị SP

=

5.066.000

100

=

50.660 đ/sp

LOGO

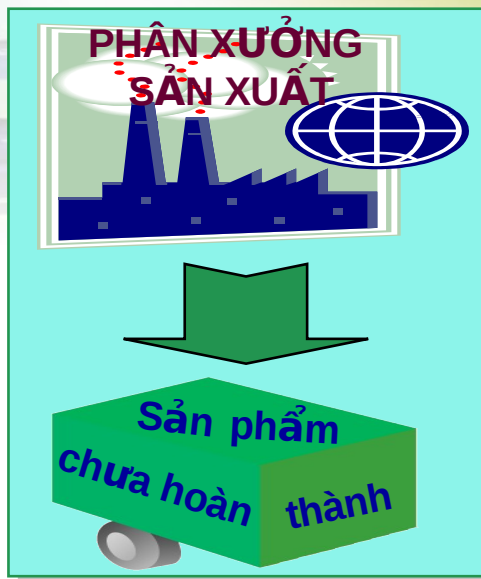
# Kế toán tính giá thành SP



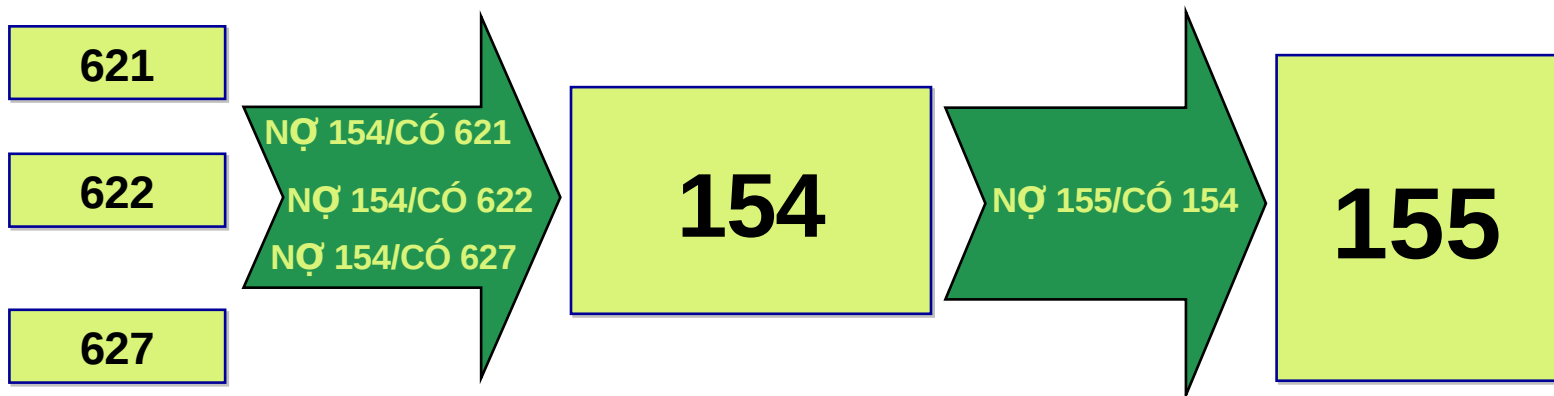
Sử dụng lại các số liệu của ví dụ trên , cho biết thêm số dư đầu kỳ của TK 154 là 450.000đ, số dư cuối kỳ của TK 154 là 930.000 và trong tháng đã **nhập kho 100 SP A**.

Nợ	TK 154	Có	Nợ	TK 155 Thành phẩm	Có
SDĐK:450.000		Nhập kho			
2.600.000	5.066.000	→	5.066.000		
506.000					
2.440.000					
<hr/>					
SPS:5.546.000					
<hr/>					
SDCK: 930.000					

**CHI PHÍ  
SẢN XUẤT**



## QUY TRÌNH SẢN XUẤT



## QUY TRÌNH KẾ TOÁN SẢN XUẤT

# KẾ TOÁN TIÊU THỤ THÀNH PHẨM



Thành phẩm được xem là tiêu thụ nếu thỏa **5 điều kiện**:



- Chuyển giao **phần lớn rủi ro và lợi ích** gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua
- Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng





# KẾ TOÁN TIÊU THỤ THÀNH PHẨM

**Tình huống:**

- 1. Công ty K giao hàng cho khách nhưng chưa xác định giá**
- 2. Nhà máy R xuất hóa đơn bán hàng cho đơn vị vận tải chở đến kho bên mua, khách hàng chưa nhận hàng vì cho rằng quy cách không bảo đảm theo thỏa thuận**



# KẾ TOÁN TIÊU THỤ THÀNH PHẨM

**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511):** toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ giao dịch.

**Chiết khấu thương mại (TK 521):** khoản tiền giảm trừ doanh thu do người mua hàng hóa, dịch vụ mua với khối lượng lớn

**Hàng bán bị trả lại (TK 531):** Trị giá sản phẩm, dịch vụ bị khách hàng trả lại do nguyên nhân vi phạm cam kết, hợp đồng; hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

**Giảm giá hàng bán (TK 532):** Khoản giảm

trừ trên giá bán cho số hàng hóa, dịch vụ đã bán kém phẩm chất hoặc không đúng theo quy định của hợp đồng kinh tế



# KẾ TOÁN TIÊU THỤ THÀNH PHẨM



TK 511

Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng và đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ

Các khoản làm giảm trừ doanh thu ( CKTM, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán)  
Kết chuyển cuối kỳ

Kết chuyển doanh thu thuần vào bên có TK 911- xác định kết quả kinh doanh

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán

Doanh thu thuần = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - CKTM, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại và các khoản thuế được tính vào giá bán mà DN phải nộp cho NN

LOGO

# KẾ TOÁN TIÊU THỤ THÀNH PHẨM



## TK 521 – Chiết khấu TM

Số tiền chiết khấu TM đã trả cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của KH, về số sản phẩm, hàng hóa bán ra

Kết chuyển toàn bộ số tiền chiết khấu TM phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 511 để xác định doanh thu thuần trong kỳ

## TK 531- Hàng bán bị trả lại

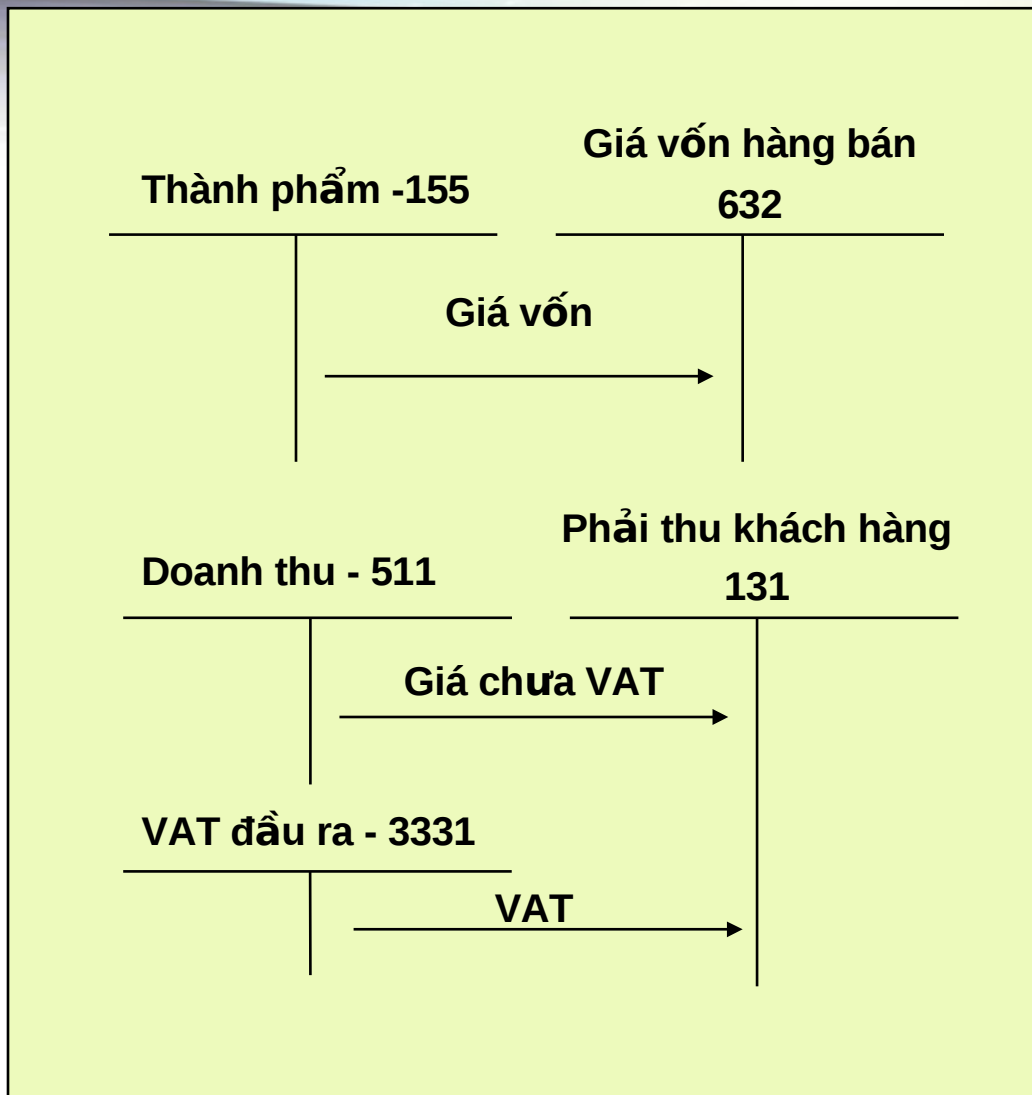
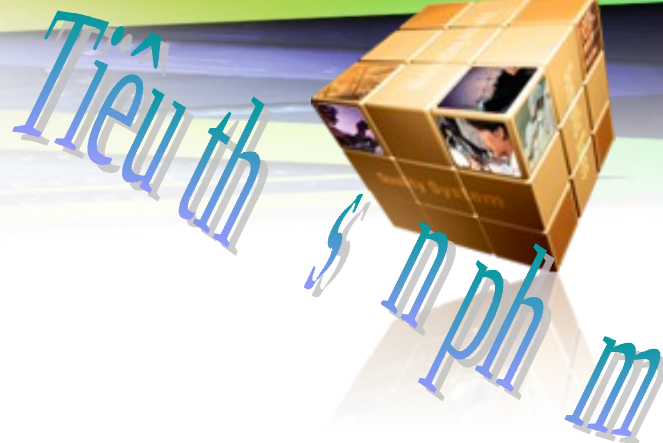
Trị giá của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán ra

Kết chuyển toàn bộ trị giá của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 511 để xác định doanh thu thuần trong kỳ

## TK 532 – Giảm giá hàng bán

Các khoản giảm giá hàng bán đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số SP, hàng hóa bán ra

Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 511 để xác định doanh thu thuần trong kỳ





# KẾ TOÁN TIÊU THỤ THÀNH PHẨM

## 333- Thuế và các khoản nộp nhà nước

Số thuế, phí, lệ phí và các khoản đã nộp vào NSNN

Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp

Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại

SDĐK: Số thuế, phí, lệ phí, và các khoản khác còn phải nộp đầu kỳ

Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào NSNN

SDCK: Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp cuối kỳ



LOGO

# KẾ TOÁN TIÊU THỤ THÀNH PHẨM



TK 632 – Giá vốn hàng bán

Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng trong kỳ kế toán

Trị giá vốn của thành phẩm hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng bị trả lại

Kết chuyển giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã xác định là tiêu thụ vào bên Nợ TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

# KẾ TOÁN TIÊU THỤ THÀNH PHẨM



**Giá vốn hàng bán (TK 632)** : chi phí sản xuất kết tinh trong sản phẩm được bán ra trong kỳ.

**Chi phí bán hàng (TK 641)**: chi phí bỏ ra trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, bảo hành hàng hóa...

**Chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642)**: chi phí quản lý chung liên quan đến hoạt động quản lý doanh nghiệp như chi phí lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý, văn phòng; chi phí văn phòng như vật liệu, công cụ dụng cụ, khấu hao sửa chữa tài sản cố định dùng cho bộ phận quản lý, dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài như điện, nước, điện thoại; chi phí khác như chi phí tiếp khách, tổ chức hội nghị...



## Ví dụ minh họa



VD: Trong tháng 01/2010, tại DN ABC có các nghiệp vụ KT phát sinh như sau:

1. Xuất bán 1.000 sp cho người mua X, chưa thu tiền. Giá xuất kho là 60.000 đ, giá bán chưa có thuế GTGT 10% là 90.000đ/sp
2. Cho người mua được hưởng CKTM 2% trên giá bán chưa có thuế và trừ vào số tiền người mua đang nợ
3. Xuất kho bán 300 sp cho người mua Y, giá XK là 60.000 đ, giá bán chưa có thuế GTGT 10% là 92.000 đ. Người mua đã nhận hàng về và trả bằng TM
4. Sau khi mang hàng về kiểm tra, người mua Y nhận thấy một số mặt hàng không đúng quy cách nên đề nghị DN giảm 1% trên giá bán chưa thuế. DN đồng ý và trả lại tiền cho người mua Y.
5. Xuất khẩu 200 sp, giá xuất kho là 60.000đ/sp, giá bán là 7USD/sp. Người mua đã thanh toán qua NH. Thuế XKhẩu là 10%. Tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ là 15.000đ/USD.
6. Trích khấu hao TSCĐ ở bộ phận bán hàng 800.000 đ, bộ phận QLDN là 1.200.000 đ

Yêu cầu: Lập định khoản và phản ánh vào sơ đồ chữ T các TK có liên quan.

# Ví dụ minh họa

ĐVT: ngàn đồng



1. Xuất bán 1.000 sp cho người mua X, chưa thu tiền. Giá xuất kho là 60.000 đ, giá bán chưa

có thuế GTGT 10% là 90.000đ/sp

TK 155

TK 632

TK 131

TK 511

60.000(1)      (1)60.000

(1)  
99.000

90.000(1)

TK 3331

1a.      Nợ TK 131 99.000  
            Có TK 511 90.000  
            Có TK 3331 9.000

9.000 (1)

1b. Nợ TK 632 60.000  
      Có TK 155 60.000

# Ví dụ minh họa



ĐVT: ngàn đồng

2. Cho người mua được hưởng CKTM 2% trên giá bán chưa có thuế và trừ vào số tiền người mua đang nợ

TK 521	TK 3331	TK 131
(2) 1800	(2)180      9.000(1)	(1)99.000      1980(2)

2.	Nợ TK 521	1.800	
	Nợ TK 3331	180	
	Có TK131	1.980	

# Ví dụ minh họa

ĐVT: ngàn đồng



3. Xuất kho bán 300 sp cho người mua Y, giá XK là 60.000 đ, giá bán chưa có thuế GTGT 10% là 92.000 đ. Người mua đã nhận hàng về và trả bằng TM

<table border="0" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center; border-bottom: 1px solid black;">TK 155</td> <td style="width: 50%; text-align: center; border-bottom: 1px solid black;">TK 632</td> </tr> <tr> <td style="border-left: 1px solid black; border-right: 1px solid black; padding: 5px;">60.000(1)</td> <td style="border-left: 1px solid black; border-right: 1px solid black; padding: 5px;">(1)60.000</td> </tr> <tr> <td style="border-left: 1px solid black; border-right: 1px solid black; padding: 5px;">18.000(3)</td> <td style="border-left: 1px solid black; border-right: 1px solid black; padding: 5px;">(3)18.000</td> </tr> </table>	TK 155	TK 632	60.000(1)	(1)60.000	18.000(3)	(3)18.000	<table border="0" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center; border-bottom: 1px solid black;">TK 111</td> <td style="width: 50%; text-align: center; border-bottom: 1px solid black;">TK 511</td> </tr> <tr> <td style="border-left: 1px solid black; border-right: 1px solid black; padding: 5px;">(1) 30.360</td> <td style="border-left: 1px solid black; border-right: 1px solid black; padding: 5px;">90.000(1) 27.600(3)</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="text-align: center; border-top: 1px solid black; border-bottom: 1px solid black;">TK 3331</td> </tr> <tr> <td style="border-left: 1px solid black; border-right: 1px solid black; padding: 5px;">(2)180</td> <td style="border-left: 1px solid black; border-right: 1px solid black; padding: 5px;">9.000 (1) 2.760(3)</td> </tr> </table>	TK 111	TK 511	(1) 30.360	90.000(1) 27.600(3)	TK 3331		(2)180	9.000 (1) 2.760(3)
TK 155	TK 632														
60.000(1)	(1)60.000														
18.000(3)	(3)18.000														
TK 111	TK 511														
(1) 30.360	90.000(1) 27.600(3)														
TK 3331															
(2)180	9.000 (1) 2.760(3)														

3a.	Nợ TK 111	30.360			
	Có TK 511	27.600			
	Có TK 3331	2.760			
3b.	Nợ TK 632	18.000			
	Có TK 155	18.000			



# Ví dụ minh họa



ĐVT: ngàn đồng

4. Sau khi mang hàng về kiểm tra, người mua Y nhận thấy một số mặt hàng không đúng quy cách nên đề nghị DN giảm 1% trên giá bán chưa thuế. DN đồng ý và trả lại tiền cho người mua Y.

TK 532	TK 3331	111
(4) 276	(2)180      9.000(1) (4) 27.6      2.760(3)	(1)30.360      303.6(4)

4.      Nợ TK 532      276  
          Nợ TK 3331    27.6  
          Có TK 111    303.6



# Ví dụ minh họa



ĐVT: ngàn đồng

6. Trích khấu hao TSCĐ ở bộ phận bán hàng 800.000 đ, bộ phận QLDN là 1.200.000 đ

TK 641	TK 642	214
(6) 800	(6)1.200	2.000(6)
6. Nợ TK 641	800	
Nợ TK 642	1.200	
Có TK 214	2.000	

# Kế toán xác định KQ và PP kết quả KD



## TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Số lỗ về hoạt động SXKD

Trích lập các quỹ và bổ sung NVKD

Chia lợi nhuận cho các bên góp vốn

SD: Số lãi chưa phân phối hoặc chưa sử dụng đầu kỳ

Số lãi về hoạt động

Sản xuất kd

SDCK: Số lãi chưa phân phối hoặc chưa sử dụng cuối kỳ

## TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

Trị giá vốn của hàng hóa sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ

Chi phí bán hàng và quản lý DN

Chi phí tài chính và chi phí khác

Chi phí thuế TNDN

Kết chuyển lãi

Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ

Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác

Kết chuyển lỗ

LOGO

# 1.1 Kế toán xác định KQKD



DOANH THU – CHI PHÍ > 0 → LÃI

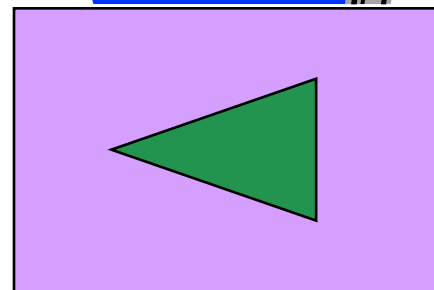
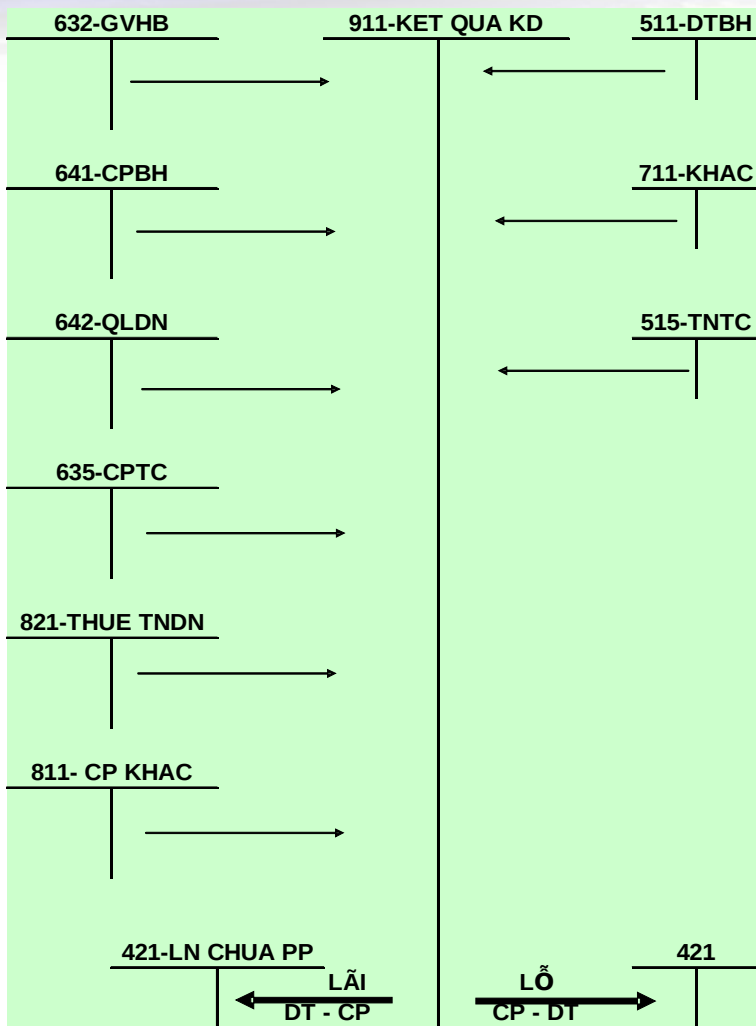
DN phải có nghĩa vụ nộp thuế TNDN cho Nhà Nước

Chi phí thuế TNDN = LÃI x Thuế suất (25%)

LÃI – Chi phí thuế TNDN sẽ được KC vào TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối

LO

# KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH



# Ví dụ minh họa



VD: Căn cứ vào số liệu trong ví dụ trên và cuối tháng tại DN có các nghiệp vụ kinh tế sau phát sinh biết rằng DN có các hoạt động tài chính và hoạt động khác như sau:

Hoạt động tài chính: Doanh thu            39.500.000 đ

Chi phí    21.400.000 đ

Hoạt động khác: Thu nhập                20.300.000 đ

Chi phí    14.200.000 đ

7. Kết chuyển các khoản CKTM, giảm giá hàng bán để xác định doanh thu thuần
8. Kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác để xác định KQKD
9. Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí QLDN, chi phí tài chính và chi phí khác để xác định KQKD
10. Xác định thuế TNDN biết thuế suất thuế TNDN là 25%
11. Kết chuyển thuế TNDN để xác định KQKD
12. Xác định kết quả KD

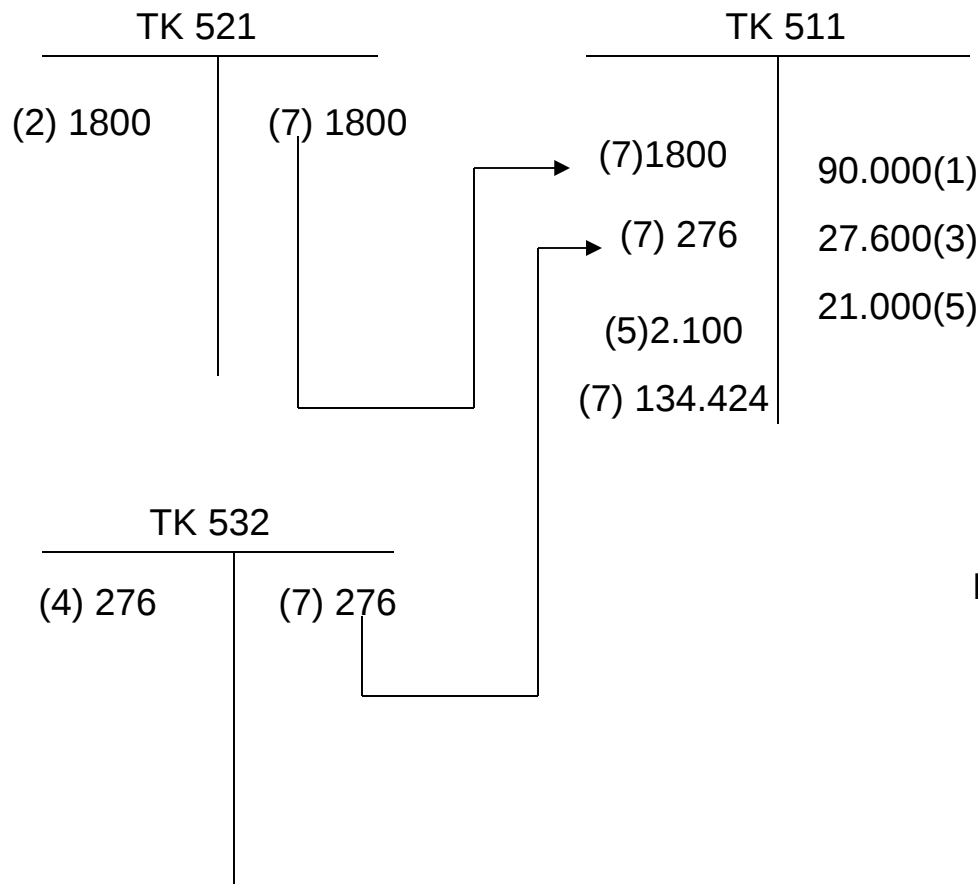


# Ví dụ minh họa



ĐVT: ngàn đồng

7. Kết chuyển các khoản CKTM, giảm giá hàng bán để xác định doanh thu thuần



7. Nợ TK 511	2.076
Có TK 521	
1.800	
Có TK 532	276

$$\text{Doanh thu thuần} = 90.000 + 27.600 + 21.000 - 2.076 - 2.100 = 134.424$$

# Ví dụ minh họa



ĐVT: ngàn đồng

8. Kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác để xác định KQKD

TK 511		TK 911	
(7)1800	90.000(1)		
(7) 276	27.600(3)		
(5)2.100	21.000(5)		
(7) 134.424			
			(8)134.424
TK 515			
39.500(8)	39.500		
			(8) 39.500
TK 711			
20.300(8)	20.300		
			(8) 20.300

8.Nợ TK 511 134.424  
 Nợ TK 515 39.500  
 Nợ TK 711 20.300  
 Có TK 911 194.224

# Ví dụ minh họa



ĐVT: ngàn đồng

9. Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí QLDN, chi phí tài chính và chi phí khác để xác định KQKD

9. Nợ TK 911	127.600
Có TK 642	1.200
Có TK 641	800
Có TK 632	90.000
Có TK 635	21.400
Có TK 811	14.200

	TK 642		TK 911	
	(6)1.200	(9)1.200	1.200(9)	(8)134.424
			→	
	TK 641			
	(6) 800	(9) 800	800(9)	(8) 39.500
			→	
	632			
	90.000	90.000	90.000(9)	(8) 20.300
			→	
	TK 635			
	21.400	21.400	21.400(9)	
			→	
	TK 811			
	14.200	14.200	14.200(9)	
			→	

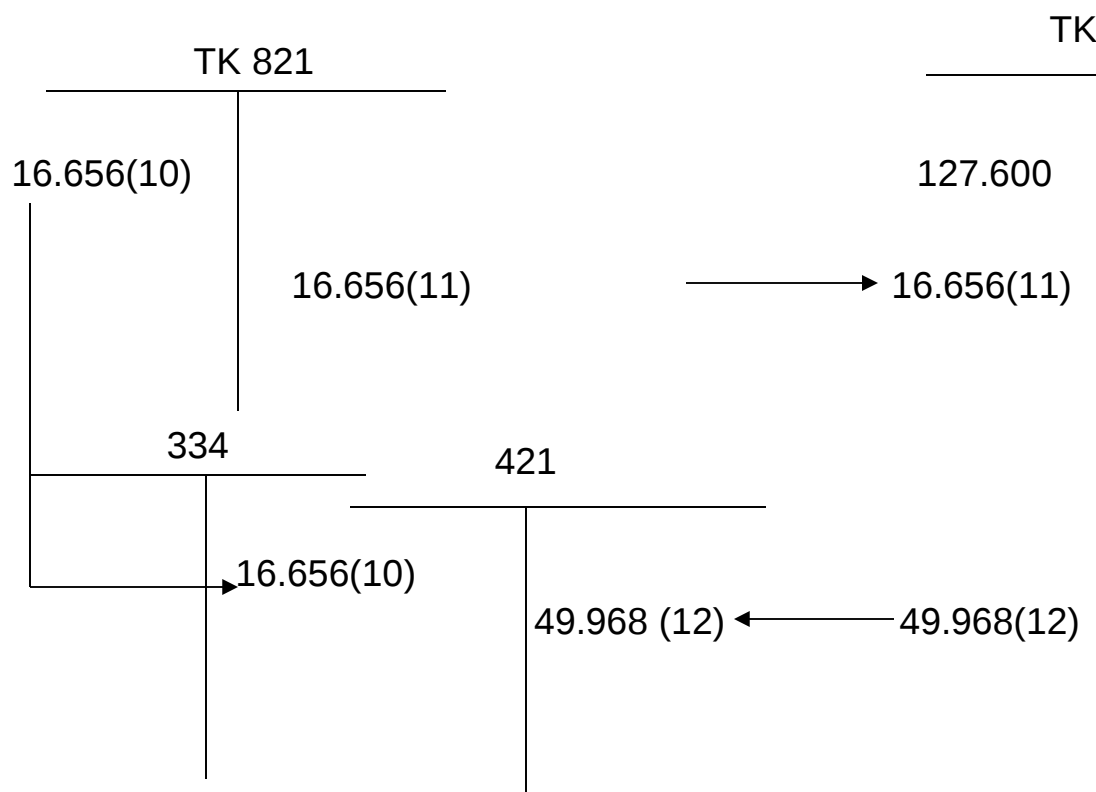
# Ví dụ minh họa



10. Xác định thuế TNDN biết thuế suất thuế TNDN là 25%

11. Kết chuyển TNDN để xác định KQKD

12. Xác định KQKD



Lợi nhuận = Doanh thu – Chi phí  
 = 194.224 – 127.600  
 = 66.624

Thuế TNDN = 66.624 X 25%  
 = 16.656

- 10. Nợ TK 821 16.656  
 Có TK 334 16.656
- 11. Nợ TK 911 16.656  
 Có TK 821 16.656
- 12. Nợ TK 911 49.968  
 Có TK 421 49.968

# SƠ ĐỒ - QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

